

Số: /BGDDT-GDNNGDTX

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học
2025-2026 đối với giáo dục nghề nghiệp và
giáo dục thường xuyên

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các Vụ, Cục được giao nhiệm vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thuộc các Bộ, ngành Trung ương.
- Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học 2025–2026 đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giáo dục thường xuyên (GDTX), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các Vụ, Cục được giao nhiệm vụ quản lý công tác GDNN, GDTX thuộc các Bộ, ngành Trung ương và Sở GDĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tham mưu Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tập trung nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”; Nghị quyết số 281/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện nhiệm vụ năm học 2025–2026; Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm học 2025–2026 đối với lĩnh vực GDNN, GDTX; lấy chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) làm khâu đột phá trong tổ chức triển khai, bảo đảm chất lượng tại các cơ sở GDNN, GDTX. Kiên định mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy việc tự học, học tập không ngừng, học tập suốt đời, coi đây là định hướng xuyên suốt cho mọi hoạt động GDNN, GDTX.

Trong đó, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

A. VỀ CÁC NHIỆM VỤ CHUNG

1. Quán triệt tinh thần đột phá, ưu tiên hàng đầu cho chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Chỉ đạo các cơ sở giáo dục GDNN, GDTX triển khai hiệu quả học bạ số, văn bằng số ngay sau khi có hướng dẫn của Bộ GDĐT; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) và nhân lực để kết nối, liên thông dữ liệu.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông; tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về GDNN, GDTX, nhất là các văn bản mới ban hành; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các quy định không còn phù hợp với thực tiễn.

3. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở GDNN, GDTX theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm phân bố hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và đặc thù đơn vị hành chính mới trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp; quá trình sắp xếp phải bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không bị gián đoạn và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sau sắp xếp, đề xuất, điều chỉnh hợp lý nếu cần thiết.

4. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo nhân lực ở các ngành, lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn và tại các địa bàn khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thí điểm, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở GDNN, trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX (sau đây gọi chung là trung tâm GDTX) phù hợp với điều kiện từng địa phương.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp trong quản lý GDNN, GDTX bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng chéo nhiệm vụ, địa bàn; phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các địa phương, đơn vị.

6. Quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển GDNN, GDTX trong kế hoạch dự toán ngân sách năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 của ngành, địa phương; đồng thời chú trọng công tác bảo trì, nâng cấp, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đã được đầu tư.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuyển sinh, đào tạo và in ấn, quản lý, cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ GDNN, GDTX; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật.

B. VỀ CÁC NHIỆM VỤ CỦA TỪNG LĨNH VỰC

I. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 247/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và các văn bản có liên quan khác.

2. Đánh giá thực trạng đầu tư và hoạt động của các cơ sở GDNN; trên cơ sở đó chủ động bố trí hoặc đề xuất nguồn lực để chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở

GDNN; ưu tiên cơ sở vật chất, thiết bị cho ngành nghề công nghệ cao, ngành trọng điểm quốc gia, ngành mới nổi; bảo đảm đủ thời lượng thực hành theo chương trình, ưu tiên đầu tư cho ngành nghề công nghệ mới nổi.

3. Tiếp tục đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, đặc biệt các chương trình chất lượng cao, các ngành nghề liên quan đến công nghệ số, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, logistics, công nghiệp phụ trợ...; tích hợp kỹ năng xanh, kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo.

4. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động GDNN; triển khai hiệu quả mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Mở rộng đào tạo theo mô hình “một chương trình - hai địa điểm” (lý thuyết tại trường, thực hành tại doanh nghiệp) và đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại cho lao động trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đặc thù của địa phương và chỉ đạo các cơ sở GDNN tạo môi trường làm việc thuận lợi để thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tại địa phương tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề.

6. Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về GDNN trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện, người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

7. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Định kỳ đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở GDNN theo Bộ chỉ số do Bộ GDĐT ban hành; công khai các hoạt động GDNN trên Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT.

II. Lĩnh vực giáo dục thường xuyên

1. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDTX

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các chương trình bồi dưỡng, học tập ngắn hạn được tổ chức hằng năm để cập nhật và xây dựng các chương trình học tập mới theo nhu cầu xã hội.

- Tổ chức lớp phổ cập kỹ năng số theo Phong trào ‘Bình dân học vụ số’ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; tăng cường mở các khóa bồi dưỡng ngắn hạn gắn với nhu cầu nhân lực.

- Thực hiện hiệu quả chương trình GDTX cấp THCS, THPT; tăng cường hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tích hợp phát triển năng lực số cho người học trong các môn học một cách linh hoạt, phù hợp; chỉ đạo rà soát, cập nhật ngữ liệu môn Lịch sử, Địa lý trong

chương trình xóa mù chữ (XMC) và chương trình GDTX cấp THCS, THPT, môn Giáo dục công dân trong chương trình GDTX cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm phù hợp bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Từng bước tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại các trung tâm GDTX có điều kiện phù hợp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và chủ trương của Đảng, Nhà nước về dạy học 2 buổi/ngày trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thí điểm tổ chức đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trung tâm GDTX thông qua việc tổ chức các lớp học chuyên đề, thành lập câu lạc bộ tiếng Anh, triển khai hoạt động trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số trong dạy và học tiếng Anh.

- Chỉ đạo các trung tâm GDTX tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ với các trường trung cấp, cao đẳng trong việc giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT theo quy định. Việc phối hợp cần bảo đảm tính linh hoạt, thiết thực, phù hợp với nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của địa phương.

- Khuyến khích các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX chủ động, sáng tạo triển khai thí điểm các mô hình liên thông, liên kết đào tạo tại địa phương giữa chương trình GDTX với các trình độ của GDNN, tạo các lộ trình học tập linh hoạt cho người học, trên cơ sở khung chính sách và hướng dẫn chung của Bộ, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục mở theo định hướng của Nghị quyết 71-NQ/TW.

2. Đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở GDTX

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt việc sắp xếp và kiện toàn trung tâm học tập cộng đồng sau khi sáp nhập đơn vị hành chính. Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên, nhất là về giáo dục người lớn và kỹ năng số.

- Có kế hoạch xây dựng mô hình “Trung tâm học tập cộng đồng số” với các điều kiện tối thiểu: máy tính, Internet, kho học liệu mở, gắn kết chặt chẽ với Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động các trung tâm ngoại ngữ, tin học (TTNNTH) đảm bảo tất cả các trung tâm hoạt động theo đúng quy chế và các quy định của pháp luật. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư tham gia hoạt động, đầu tư, thành lập các TTNNTH.

3. Huy động nguồn lực và bồi dưỡng đội ngũ

- Tham mưu UBND tỉnh tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trung tâm GDTX.

- Xây dựng cơ chế thí điểm cho phép các trung tâm GDTX thực hiện quyền tự chủ một phần; đồng thời huy động nguồn lực xã hội, ngân sách địa phương, linh hoạt trong liên kết với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để tổ chức các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng chương trình, phát triển học liệu và phương pháp dạy học tích cực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Xây dựng và phát triển học liệu điện tử (giáo trình số, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi, tài liệu mở) và chia sẻ trên kho học liệu chung.

4. Đẩy mạnh công tác XMC

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các xã kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, XMC cấp xã; tổ chức điều tra, rà soát người mù chữ, người tái mù chữ trên địa bàn để xây dựng kế hoạch XMC hằng năm và tổ chức các lớp XMC theo hướng linh hoạt, đa dạng hình thức (học trực tiếp, trực tuyến, qua truyền thanh, truyền hình,...), bảo đảm phù hợp với đặc điểm người học, điều kiện kinh tế – xã hội của từng địa phương.

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng hỗ trợ người học cho đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, cộng tác viên và lực lượng tham gia dạy XMC.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với giáo viên, lực lượng tham gia dạy XMC và người học XMC; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án liên quan để bảo đảm điều kiện thực hiện hiệu quả.

5. Xây dựng xã hội học tập

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021–2030” hằng năm; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đơn vị hành chính đưa chỉ tiêu xây dựng xã hội học tập vào chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và lâu dài.

- Khuyến khích người dân học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua nhiều hình thức linh hoạt: trực tiếp, trực tuyến, tự học có hướng dẫn, học qua truyền thanh, truyền hình, các mô hình trải nghiệm cộng đồng; bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu người học. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để mỗi công dân tích cực học tập thường xuyên, liên tục, nâng cao tri thức, kỹ năng, năng lực thích ứng với yêu cầu phát triển mới, phù hợp mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nhằm tạo nguồn lực bền vững cho phong trào học tập suốt đời; gắn nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập với chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, coi đây là trách nhiệm chung trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của toàn hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong học tập: khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống thư viện số, cơ sở dữ

liệu học tập quốc gia; phát triển kho học liệu mở, tài liệu số phục vụ nhu cầu học tập đa dạng; đồng thời ưu tiên bảo đảm hạ tầng Internet, thiết bị và bồi dưỡng kỹ năng số cho người học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm đối tượng yếu thế.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận các mô hình học tập (đơn vị học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập) bảo đảm thực chất, hiệu quả; góp phần khơi dậy văn hóa học tập trong toàn dân và thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời.

6. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin

- Áp dụng hệ thống quản lý học tập và quản lý trung tâm GDTX trên nền tảng số.

- Sử dụng học bạ số và hồ sơ quản lý học viên điện tử thay cho phương thức thủ công; bảo đảm đồng bộ, chính xác và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Chỉ đạo các trung tâm GDTX tham gia xây dựng kho học liệu số mở dùng chung cho hệ thống GDTX; khuyến khích giáo viên biên soạn, chia sẻ tài nguyên số.

- Định kỳ đánh giá mức độ chuyển đổi số của trung tâm GDTX theo Bộ chỉ số của Bộ GDĐT.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở hướng dẫn và tình hình cụ thể của địa phương, đề nghị các cơ quan xây dựng kế hoạch chi tiết, phân bổ nguồn lực để triển khai nhiệm vụ GDNN và GDTX năm học 2025-2026; định kỳ báo cáo kết quả về Bộ GDĐT (trước ngày 30/6/2026).

Bộ GDĐT gửi kèm theo Công văn này các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan; đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Danh mục chi tiết được nêu tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ GDĐT (qua Cục GDNN và GDTX) để được hướng dẫn, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Các cơ sở GDNN, GDTX (để th/h);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDNNGDTX (05 bản).

Lê Quân

Phụ lục: 01
DANH MỤC VĂN BẢN
THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDNNGDTX ngày tháng 9 năm 2025
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
2. Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
4. Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định số 247/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2. Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
3. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

III. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.
2. Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp.
3. Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

4. Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

5. Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

6. Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

7. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

9. Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp.

10. Thông tư số 37/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu.

11. Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

12. Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

13. Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

14. Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH

ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

15. Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp.

16. Thông tư số 19/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

17. Thông tư số 20/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định cơ sở thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

18. Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

19. Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

20. Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

21. Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

22. Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp.

23. Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng.

24. Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao.

25. Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

26. Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

27. Thông tư số 06/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp.

28. Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

29. Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

30. Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

31. Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

32. Thông tư số 12/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

33. Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (hiệu lực từ 05/4/2024).

34. Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (hiệu lực từ 25/6/2024).

IV. Văn bản hợp nhất của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Văn bản hợp nhất số 1307/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/04/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/04/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng.
3. Văn bản hợp nhất số 1310/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/04/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Thông tư quy định về Điều lệ trường trung cấp.
4. Văn bản hợp nhất số 2090/VBHN-BLĐTBXH ngày 29/05/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Thông tư quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp.
5. Văn bản hợp nhất số 2021/VBHN-BLĐTBXH ngày 16/06/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Nghị định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
6. Văn bản hợp nhất số 2022/VBHN-BLĐTBXH ngày 16/06/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.
7. Văn bản hợp nhất số 5160/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
8. Văn bản hợp nhất số 5161/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
9. Văn bản hợp nhất số 2513/VBHN-BLĐTBXH ngày 03/08/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

DANH MỤC VĂN BẢN**THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDNNGDTX ngày tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Nghị định của Chính phủ

1. Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.
2. Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
3. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng

1. Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
2. Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
3. Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

III. Chỉ thị, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Chỉ thị số 02/2008/CT-TTg ngày 08/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
3. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.
4. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

5. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

6. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”.

7. Quyết định số 1716/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030.

8. Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

9. Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

IV. Thông tư của Bộ GDĐT, Bộ Tài chính

1. Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

2. Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn, ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

3. Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

4. Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.

5. Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên.

6. Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

7. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Thông tư số 28/2018/TT-BGDĐT ngày 26/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình tiếng Việt cho người nước ngoài.

9. Thông tư số 34/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình tiếng Nhật thực hành theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

10. Thông tư số 28/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

11. Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình xoá mù chữ.

12. Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

13. Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

14. Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

15. Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

16. Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá và xếp loại học viên học chương trình xoá mù chữ.

17. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

18. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

20. Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

21. Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng.

22. Thông tư số 17/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

23. Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

V. Các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT

1. Về tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên

1.1. Công văn số 1877/BGDĐT-GDTEX ngày 11/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học.

1.2. Công văn số 2264/BGDĐT-GDTEX ngày 06/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

1.3. Công văn số 943/BGDĐT-GDTEX ngày 12/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp, tổ chức và quản lý hiệu quả trung tâm GDTX.

1.4. Công văn số 2672/BGDĐT-GDTEX ngày 20/6/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động tại các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX.

1.5. Công văn số 219/BGDĐT-GDTEX ngày 21/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, chấn chỉnh, tăng cường quản lý các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

1.6. Công văn số 892/BGDĐT-GDTEX ngày 03/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

1.7. Công văn số 1532/BGDĐT-GDNNGDTEX ngày 04/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Quyết định số 1716/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về chương trình giáo dục thường xuyên

2.1. Công văn số 2857/BGDĐT- GDTX ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông kết hợp với dạy nghề tại các cơ sở giáo dục thường xuyên.

2.2. Công văn số 2570/BGDĐT- GDTX ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong các trường trung cấp, cao đẳng.

2.3. Công văn số 627/BGDĐT-GDTX ngày 28/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

2.4. Công văn số 4028/BGDĐT-GDTX 23/08/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2022-2023.

2.5. Công văn số 6027/BGDĐT-GDTX ngày 15/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2.6. Công văn số 4840/BGDĐT- GDTX ngày 07/9/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng bộ tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2.7. Công văn số 4878/BGDĐT-GDTX ngày 29/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng bộ tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2.8. Công văn số 640/BGDĐT-GDTX ngày 01/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình xoá mù chữ.

2.9. Công văn số 651/BGDĐT-GDTX ngày 20/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu thực hiện Chương trình xoá mù chữ giai đoạn 1.

2.10. Công văn số 6896/BGDĐT-GDTX ngày 25/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu thực hiện Chương trình xoá mù chữ giai đoạn 2.

3. Về quản lý chất lượng giáo dục thường xuyên

3.1. Công văn số 4934/BGDĐT-GDTX ngày 30/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc nâng cao chất lượng học xoá mù chữ, củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tái mù chữ.

3.2. Công văn số 4024/BGDĐT-GDTX ngày 15/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo nâng cao tỷ lệ và chất lượng xoá mù chữ.

4. Về xây dựng xã hội học tập

4.1. Công văn số 3320/BGDĐT-GDTX ngày 06/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

4.2. Công văn số 2866/BGDĐT-GDTrH ngày 05/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc thành lập tổ chức khuyến học trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm.

4.3. Công văn số 4301/BGDĐT-GDTrH ngày 20/9/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục mở.

4.4. Công văn số 5244/BGDĐT-GDTrH ngày 11-10-2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khai thác và sử dụng tài liệu “Hướng dẫn xây dựng xã hội học tập”.

5. Các văn bản khác

5.1. Công văn số 463/BGDĐT-GDTrH ngày 28/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

5.2. Công văn số 6841/BGDĐT-GDTrH ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi mới thư viện và phát triển văn hóa đọc trong nhà trường phổ thông, mầm non.

5.3. Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai thí điểm học bạ số cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên.

5.4. Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 26/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

5.5. Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.